

Số: /QĐ-STC

Bắc Ninh, ngày tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Nội quy Bảo vệ bí mật nhà nước
của Sở Tài chính Bắc Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2020/TT-BCA ngày 10/3/2020 của Bộ Công an về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong công tác bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Nội quy Bảo vệ bí mật nhà nước của Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh như sau:

1. Xác định danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý, chức năng, nhiệm vụ của Sở Tài chính:

1.1 Danh mục bí mật nhà nước độ Mật lĩnh vực tài chính, ngân sách:

Phương án Kế hoạch tài chính 05 năm và phương án ngân sách hằng năm có chứa số liệu chi tiết thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Thường trực Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phương án tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

1.2. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật lĩnh vực Nội vụ:

Văn bản, tài liệu về công tác cán bộ trong quá trình chuẩn bị, triển khai công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức cấp phòng, cấp sở.

1.3. Danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng:

- *Bí mật nhà nước độ Mật trong hoạt động thanh tra:*

+ Kế hoạch tiến hành thanh tra đột xuất trước khi công bố với đối tượng thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra;

+ Báo cáo kết quả thanh tra của thành viên Đoàn thanh tra, của Đoàn thanh tra;

+ Nội dung Kết luận thanh tra chưa công khai.

- *Bí mật nhà nước độ Mật trong hoạt động giải quyết tố cáo gồm:*

+ Họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và những thông tin khác có thể làm lộ danh tính của người tố cáo, người được bảo vệ theo quy định của Luật Tố cáo, trừ trường hợp người tố cáo có yêu cầu khác.

+ Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo trước khi công khai kết luận nội dung tố cáo.

+ Kết luận nội dung tố cáo chưa công khai.

- *Bí mật nhà nước độ Mật trong hoạt động phòng, chống tham nhũng gồm:*

+ Họ tên, địa chỉ, bút tích của người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng, trừ trường hợp người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng có yêu cầu khác.

+ Nội dung báo cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi tham nhũng.

+ Kết quả kiểm tra, xác minh phản ánh, báo cáo về tham nhũng.

2. Xác định bí mật nhà nước; độ mật của bí mật nhà nước và soạn thảo văn bản mang bí mật nhà nước.

2.1. Việc xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018.

2.2. Cán bộ khi soạn thảo, tạo ra thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước.

2.3. Cán bộ được giao soạn thảo văn bản bí mật nhà nước và những người liên quan có trách nhiệm bảo vệ nội dung bí mật nhà nước trong quá trình soạn thảo, tạo ra.

2.4. Tài liệu bí mật nhà nước phải đóng dấu “Bản số”, dấu chỉ độ mật; thể hiện nơi nhận, số lượng bản phát hành, tên người soạn thảo, được phép hoặc không được phép sao, chụp ở mục “nơi nhận” của tài liệu.

2.5. Sở Tài chính bố trí 01 máy tính, 01 máy in không có kết nối internet tại phòng Tiếp dân để các phòng, đơn vị thực hiện soạn thảo văn bản bí mật nhà nước.

Khi có yêu cầu về soạn thảo văn bản bí mật nhà nước, Trưởng các phòng, đơn vị báo với Lãnh đạo Văn phòng Sở để bố trí trang thiết bị và người mở cửa.

3. Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

Việc sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018 và Điều 3 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ.

4. Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước

4.1. Việc vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018 và Điều 4 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ.

4.2. Các phòng, đơn vị và các cá nhân có liên quan đến bí mật nhà nước có trách nhiệm bảo vệ và lưu giữ tài liệu bí mật nhà nước theo quy định, không làm lộ, lọt, mất bí mật nhà nước.

5. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ

Việc mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018 và Điều 5 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ.

6. Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước.

Việc cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước. được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018.

7. Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước không có yếu tố nước ngoài.

Việc tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước không có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018 và Điều 6 Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ.

8. Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước

Làm lộ, chiếm đoạt, mua, bán bí mật nhà nước; làm sai lệch, hư hỏng, mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

Thu thập, trao đổi, cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước trái pháp luật; sao, chụp, lưu giữ, vận chuyển, giao, nhận, thu hồi, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trái pháp luật.

Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ trái pháp luật.

Lợi dụng, lạm dụng việc bảo vệ bí mật nhà nước, sử dụng bí mật nhà nước để thực hiện, che giấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp hoặc cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

Truyền đưa bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin, viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu.

Chuyển mục đích sử dụng máy tính, thiết bị khác đã dùng để soạn thảo, lưu giữ, trao đổi bí mật nhà nước khi chưa loại bỏ bí mật nhà nước.

Sử dụng thiết bị có tính năng thu, phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước dưới mọi hình thức khi chưa được người có thẩm quyền cho phép.

Đăng tải, phát tán bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, mạng máy tính và mạng viễn thông.

9. Phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước

9.1. Phân công 01 Phó Chánh Văn phòng Sở kiêm nhiệm làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại cơ quan Sở Tài chính.

9.2. Trưởng phòng Quản lý ngân sách, Chánh Thanh tra và Chánh Văn phòng, lựa chọn, bố trí công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước, giúp lãnh đạo theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ bí

mật nhà nước; tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật trong đơn vị mình quản lý.

10. Giao nhiệm vụ cho Văn phòng Sở:

10.1. Có trách nhiệm quản lý, sử dụng dấu bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định.

10.2. Là bộ phận thường trực, có trách nhiệm tham mưu, giúp Lãnh đạo Sở thực hiện các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại Sở Tài chính, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai và thực hiện Nội quy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các nội dung không quy định cụ thể trong Nội quy, thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng, đơn vị thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (để b/c);
- BCĐ BMNN tỉnh (CQTT: Công an tỉnh);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Thoại